

TÒA ÁN NHÂN DÂN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TỈNH THÁI BÌNH

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2022/HSPT

Ngày 28 - 3 - 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Hải Yến

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Kim Hằng

Ông Vũ Duy Luân

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang - Thư ký TAND tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thúy Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2022/HSPT ngày 24 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Xuân Th cùng đồng phạm do có kháng cáo của các bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 121/2021/HSST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. **Nguyễn Xuân Th**, sinh năm 1975; Nơi cư trú: Thôn T Th, xã H M, huyện HH, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân M và bà Phạm Thị H; có vợ Phạm Thị L và 02 con, con lớn sinh năm 1997, con nhỏ sinh năm 2001; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tháng 02/1994 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam đến tháng 12/1995 xuất ngũ trở về địa phương; Bản án số 07/2014/HSST ngày 06-3-2014 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình xử phạt Nguyễn Xuân Th 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Chống người thi hành công vụ”; bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22-3-2021 đến ngày 31-3-2021 chuyển tạm giam. Ngày 13-5-2021, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

2. **Nguyễn Thị Đ**, sinh năm 1972; Nơi cư trú: Thôn Th B 3, xã X H, huyện VTh

tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị Th (đều đã chết); có chồng Nguyễn Xuân Th và 02 con, con lớn sinh năm 1999, con nhỏ sinh năm 2004; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 07-7-2016, bị Công an huyện V Th, tỉnh Thái Bình xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30-3-2021 (có mặt).

3. **Vũ Tiến Tr**, sinh năm 1971; Nơi cư trú: Thôn T Th, xã H M, huyện H H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Vũ Trung Tr (đã chết) và bà Phạm Thị D; có vợ Vũ Thị M và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1995, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1989, tham gia quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 1991 xuất ngũ trở về địa phương; Ngày 18/5/2007, bị Công an huyện H H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”; Ngày 08/8/2011, bị Công an huyện H H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”; Bản án số 47/2014/HSST ngày 25/6/2014 của Tòa án nhân dân huyện H H xử phạt Vũ Tiến Tr 09 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 01 năm 06 tháng về tội “Đánh bạc”; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/3/2021, đến ngày 31/3/2021 chuyển tạm giam. Ngày 12/5/2021, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

4. **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1977; Nơi cư trú: Thôn X L, xã H M, huyện H H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Duy Ph và bà Đoàn Thị L; có vợ Đoàn Thị X và 02 con, con lớn sinh năm 2002, con nhỏ sinh năm 2012; Tiền sự: Không; Tiền án: Bản án số 84/2019/HSST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H H xử phạt Nguyễn Ngọc T 01 năm tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 năm về tội “Đánh bạc”; Nhân thân: Ngày 20/3/2012, bị Công an huyện H H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Đánh bạc”; Bị cáo bị bắt, tạm giữ từ ngày 22/3/2021, đến ngày 31/3/2021 chuyển tạm giam. Ngày 03/6/2021, được thay thế biện pháp ngăn chặn “Tạm giam” bằng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

5. **Đào Thị Ng**, sinh năm 1967; Nơi cư trú: Tổ dân phố Thị Độc, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đào Xuân T (đã chết) và bà Trần Thị T; có chồng Phạm Văn K và 02 con, con lớn sinh

năm 1987, con nhỏ sinh năm 1990; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30/3/2021 (có mặt).

6. **Trần Thị Thu H**, sinh năm 1976; Nơi cư trú: Tổ dân phố Nhân Cầu 2, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Ngọc L (đã chết) và bà Lưu Thị N; có chồng Nguyễn Ch và 03 con, con lớn nhất sinh năm 1993, con nhỏ nhất sinh năm 2008; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 17/4/2020, bị Công an huyện H H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Dùng nhà ở để chứa bạc và Đánh bạc trái phép”; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30-3-2021 (có mặt).

7. **Trần Phương H1**, sinh năm 1974; Nơi cư trú: Thôn Minh Xuyên, xã H M, huyện H H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn S và bà Hoàng Thị Th; có chồng Lê Thanh B và 02 con, con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 2007; Tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 30-3-2021 (có mặt).

8. **Nguyễn Thị H2**, sinh năm 1961; Nơi cư trú: Tổ dân phố Nhân Cầu 2, thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc D (đã chết) và bà Nguyễn Thị H; có chồng Bùi Văn S (đã chết) và 02 con, con lớn sinh năm 1987, con nhỏ sinh năm 1992; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Năm 1978 tham gia Quân đội nhân dân Việt Nam đến năm 1981 xuất ngũ trở về địa phương; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/4/2021 (có mặt).

9. **Nguyễn Văn Ngh1**, sinh năm 1980; Nơi cư trú: Thôn Ph L 4, xã ThPh, huyện H H, tỉnh Thái Bình; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Kh và bà Trần Thị T; có vợ Đào Thị H và 02 con, con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2002; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Bản án số 174/2010/HSST ngày 13/7/2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt Nguyễn Văn Ngh1 07 năm tù về tội “Giết người” (đã xóa án tích); bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 23/4/2021 (có mặt).

Trong vụ án còn có các bị cáo Bùi Văn B, Phạm Văn Kh, Hà Thị L không có kháng cáo và không liên quan đến kháng cáo nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 21-3-2021, các bị cáo Bùi Văn B, Nguyễn Ngọc T, đến nhà bị cáo Nguyễn Xuân Th ở thôn Tịnh Thủy, xã H M, huyện H H chơi. Sau đó, Th, Bình và T rủ nhau đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức “Lốc”. Bị cáo Th lấy bộ bài Tú lơ khơ 52 quân tại gian phòng ngủ tầng 2 để đánh bạc. Những người tham gia đánh bạc quy định đánh mức thấp nhất 10.000 đồng/01 người/01 ván, mức cao nhất là 800.000 đồng/01 người/01 ván. Khoảng 30 phút sau, bị cáo Vũ Tiến Tr ở cùng thôn đến nhà bị cáo Th và cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 23 giờ 10 phút cùng ngày, các bị cáo đang đánh bạc, bị Công an huyện H H phát hiện, bắt quả tang. Vật chứng và tài sản thu giữ gồm: thu giữ trên những tấm thảm xốp lát nền phòng ngủ nơi các bị cáo ngồi đánh bạc số tiền 26.820.000 đồng, 01 bộ bài Tú lơ khơ 52 quân; 04 mảnh xốp, quản lý trên người bị cáo Vũ Tiến Tr số tiền 7.000.000 đồng, quản lý trên người bị cáo Bùi Văn B số tiền 7.150.000 đồng. Tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là 40.970.000 đồng.

Ngoài ra quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện H H, xác định: Ngày 21/3/2021, các bị cáo Nguyễn Xuân Th, Vũ Tiến Tr, Nguyễn Thị Đ, Đào Thị Ng, Trần Thị Thu H, Phạm Văn Kh, Hà Thị L, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Văn Ngh1 có hành vi sử dụng ứng dụng Zalo, nhắn tin trên điện thoại di động để đánh bạc trái phép dưới hình thức mua, bán các số lô, số đề, ba càng. Tỷ lệ được, thua giữa những người chơi quy định: Đối với số lô giữa Nguyễn Xuân Th, Phạm Văn Kh, Đào Thị Ng, Trần Thị Thu H là 21,8/80 (nếu người mua số lô không trúng thì mất số tiền đã mua cho người bán và nếu trúng thì tính theo số tiền mua, cứ 21.800 đồng thì được 80.000 đồng); giữa Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thị Đ, Hà Thị L, Nguyễn Thị H2 là 22/80; giữa Nguyễn Thị H2 và Nguyễn Văn Ngh1 là 22/80; giữa Vũ Tiến Tr và Trần Phương H1 là 22/80 (nếu người mua số lô không trúng thì mất số tiền đã mua cho người bán và nếu trúng thì tính theo số tiền mua, cứ 22.000 đồng thì được 80.000 đồng). Số đề là 1/80 (nếu người mua số đề không trúng thì mất số tiền đã mua cho người bán và nếu trúng thì được 80 lần số tiền đã mua). Số ba càng là 1/400 (nếu người mua số ba càng không trúng thì mất số tiền đã mua cho người bán và nếu trúng thì được 400 lần số tiền đã mua). Trúng “số đề” là người mua số trùng với 2 số cuối của giải đặc biệt; trúng “số lô” là người mua số trùng với 2 số cuối tất cả các giải của xổ số Miền Bắc; trúng số “ba càng” là người mua số trùng với 3 số cuối của giải đặc biệt của xổ số Miền Bắc. Kết quả được thua căn cứ vào kết quả xổ số Miền Bắc do Công ty xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng vào 18 giờ 15 phút ngày 21/3/2021. Việc thanh

toán được, thua giữa những người mua, bán số lô, số đề, ba càng với nhau được thực hiện vào ngày hôm sau (22/3/2021). Cụ thể:

- Ngày 21/3/2021 bị cáo **Nguyễn Xuân Th** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua, bán các số lô, số đề, ba càng thông qua nhắn tin điện thoại và ứng dụng Zalo đăng nhập trên điện thoại di động Samsung Galaxy A9 pro màu vàng của bị cáo Th. Bị cáo Th dùng tài khoản Zalo “Phuong Thuc” (có ảnh đại diện con rồng) đăng ký bằng số điện thoại 0987.815.355 của bị cáo Th bán trái phép các số lô, số đề cho bị cáo Nguyễn Thị Đ qua tài khoản Zalo “Nguyễn Xuân Th” đăng ký bằng số điện thoại 0936.201.072 của bị cáo Đ với số tiền là 24.244.000 đồng. Qua tài khoản Zalo “Phạm Hồng Ph” của bị cáo Đào Thị Ng đăng ký bằng số điện thoại 0826.388.586, bị cáo Th bán các số lô, số đề, ba càng cho bị cáo Ng với số tiền là 18.350.000 đồng. Qua tài khoản Zalo “Ngoc Hoang” của bị cáo Trần Thị Thu H, bị cáo Th và H mua, bán các số lô, số đề với nhau với tổng số tiền là 24.130.000 đồng. Bị cáo Th sử dụng số điện thoại 0987.815.355 bán trái phép các số lô cho bị cáo Phạm Văn Kh qua số điện thoại 0982.237.642 của bị cáo Kh với tổng số tiền là 4.360.000 đồng. Qua tài khoản Zalo “Hà L” của bị cáo Hà Thị L, bị cáo Th bán số lô, số đề, số ba càng cho bị cáo L với số tiền 2.360.000 đồng. Qua tài khoản Zalo “Nguyễn Thu H2” của bị cáo Nguyễn Thị H2, bị cáo Th bán cho bị cáo H2 các số lô, số đề với tổng số tiền 864.000 đồng. Qua tài khoản Zalo “Nguyen Van Phong” của Nguyễn Văn Ph, bị cáo Th bán số lô, số đề cho Ph với số tiền là 636.000 đồng, Ph trúng thưởng số tiền 1.200.000 đồng. Qua số điện thoại 0339.063.555 của Tạ Thị Ph1, bị cáo Th bán cho Ph1 các số lô, số đề, ba càng với tổng số tiền là 574.000 đồng, Ph1 trúng thưởng số tiền 560.000 đồng. Ngoài ra, bị cáo Th còn bán trực tiếp cho Nguyễn Thị Ch các số lô, số đề với tổng số tiền là 262.000 đồng, Ch trúng thưởng số tiền 160.000 đồng. Bị cáo Th mua, bán các số lô, số đề, ba càng với tổng số tiền là 75.780.000 đồng; những người mua số lô, số đề của bị cáo Th trúng thưởng số tiền là 87.840.000 đồng; bị cáo Th trúng thưởng số tiền là 20.000.000 đồng. Tổng số tiền xác định bị cáo Th đánh bạc là 183.620.000 đồng. Ngày 21-3-2021, Th, Đ, L, Kh, H, Ng, H2, Ph1, Ph chưa thanh toán tiền mua bán số lô, số đề, ba càng; chị Ch đã thanh toán cho bị cáo Th số tiền mua số lô, số đề là 262.000 đồng. Trong quá trình chuẩn bị xét xử, bị cáo Th đã thanh toán tiền trúng thưởng cho bị cáo Đ 22.000.000 đồng, bị cáo Ng 11.500.000 đồng, bị cáo H2 2.800.000đồng, bị cáo L 500.000 đồng; còn bị cáo H đã thanh toán cho bị cáo Th là 26.390.000 đồng; giữa bị cáo Th và bị cáo Kh chưa thanh toán.

- Bị cáo **Nguyễn Thị Đ** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn Xuân Thủy” đăng ký bằng số điện

thoại 0936.201.072 của bị cáo Đ mua số lô, số đề với bị cáo Nguyễn Xuân Th qua tài khoản Zalo “Phuong Thuc” của bị cáo Th với số tiền là 24.244.000 đồng, bị cáo Đ trúng thưởng số tiền 47.200.000 đồng, xác định số tiền đánh bạc của bị cáo Đ là 71.444.000 đồng. Bị cáo Th đã thanh toán tiền trúng thưởng cho bị cáo Đ là 22.000.000 đồng.

- Bị cáo **Đào Thị Ng** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức sử dụng tài khoản Zalo “Phạm Hồng Phúc” đăng ký bằng số điện thoại 0826.388.586 của bị cáo Ng mua số lô, số đề, ba càng với bị cáo Nguyễn Xuân Th qua tài khoản Zalo “Phuong Thuc” của bị cáo Th với số tiền là 18.350.000 đồng, bị cáo Ng trúng thưởng số tiền 28.000.000 đồng, xác định số tiền đánh bạc của bị cáo Ng là 46.350.000 đồng. Bị cáo Th đã thanh toán tiền trúng thưởng cho bị cáo Ng là 11.500.000 đồng.

- Bị cáo **Trần Thị Thu H** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức sử dụng tài khoản Zalo “Ngoc Hoang” đăng ký bằng số điện thoại 0394.851.856 của bị cáo H mua, bán số lô, số đề với bị cáo Nguyễn Xuân Th qua tài khoản Zalo “Phuong Thuc” của bị cáo Th với số tiền là 24.130.000 đồng (trong đó H mua số lô, số đề của Th với số tiền là 15.260.000 đồng, H không trúng thưởng; Th mua số lô, số đề của H với số tiền là 8.870.000 đồng); bị cáo Th trúng thưởng số tiền 20.000.000 đồng, xác định số tiền đánh bạc của bị cáo H là 44.130.000 đồng. Bị cáo H đã thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng cho bị cáo Th là 26.390.000 đồng.

- Bị cáo **Nguyễn Thị H2** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua các số lô, số đề, ba càng thông qua ứng dụng Zalo, bị cáo H2 dùng tài khoản Zalo “Nguyễn Thu H2” đăng ký bằng số điện thoại 0397.766.761 của bị cáo H2 mua các số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Xuân Th qua tài khoản Zalo “Phuong Thuc” với số tiền là 864.000 đồng, bị cáo H2 trúng thưởng 3.520.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H2 dùng đánh bạc với bị cáo Th là 4.384.000 đồng. Bị cáo Th đã thanh toán tiền trúng thưởng cho bị cáo H2 là 2.800.000 đồng. Bị cáo H2 mua các số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Văn Ngh1 qua tài khoản Zalo “Nguyễn Hưng Ha” của bị cáo Ngh1 với số tiền là 3.620.000 đồng, bị cáo H2 trúng thưởng 14.000.000 đồng. Tổng số tiền bị cáo H2 dùng đánh bạc với bị cáo Ngh1 là 17.620.000 đồng. Xác định số tiền bị cáo H2 dùng vào việc đánh bạc với bị cáo Th và bị cáo Ngh1 là 22.004.000 đồng. Bị cáo Ngh1 đã thanh toán tiền trúng thưởng cho bị cáo H2 số tiền 10.824.000 đồng, bị cáo H2 đã thanh toán cho những người mua số lô, số đề của bị cáo H2 trúng thưởng.

- Bị cáo **Nguyễn Văn Ngh1** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức sử dụng tài khoản Zalo “Nguyễn Hưng Ha” bán số lô, số đề

cho bị cáo Nguyễn Thị H2 qua tài khoản Zalo “Nguyễn Thu H2” với số tiền là 3.620.000 đồng, bị cáo H2 trúng thưởng số tiền 14.000.000 đồng. Xác định số tiền đánh bạc của bị cáo Ngh1 là 17.620.000 đồng, bị cáo Ngh1 đã thanh toán cho bị cáo H2 số tiền 10.824.000 đồng.

- Bị cáo **Phạm Văn Kh** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức sử dụng số điện thoại 0982.237.642 của bị cáo Kh nhắn tin mua số lô của bị cáo Nguyễn Xuân Th qua số điện thoại 0987.815.355 với tổng số tiền là 4.360.000 đồng, trúng thưởng 4.000.000 đồng, xác định số tiền sử dụng vào việc đánh bạc của bị cáo Kh là 8.360.000 đồng. Bị cáo Kh và bị cáo Th chưa thanh toán tiền mua số lô, số đề và tiền trúng thưởng.

- Bị cáo **Hà Thị L** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức sử dụng tài khoản Zalo “Hà L” của bị cáo L mua số lô, số đề với bị cáo Nguyễn Xuân Th qua tài khoản Zalo “Phuong Thuc” của bị cáo Th với số tiền là 2.360.000 đồng, bị cáo L trúng thưởng số tiền 3.200.000 đồng, xác định số tiền đánh bạc của bị cáo L là 5.560.000 đồng. Bị cáo Th đã thanh toán tiền trúng thưởng cho bị cáo L là 500.000 đồng.

- Bị cáo **Vũ Tiến Tr** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua, bán các số lô, số đề, ba càng thông qua nhắn tin điện thoại và ứng dụng Zalo đăng nhập trên điện thoại di động Iphone 11, màu đen của bị cáo Tr. Bị cáo Tr sử dụng tài khoản Zalo “Tr” đăng ký bằng số điện thoại 0977.233.071 của bị cáo Tr mua số lô, số đề trái phép với bị cáo Trần Phương H1 qua tài khoản Zalo “T Ngọc” đăng ký bằng số điện thoại 0376.281.386 của bị cáo H1 với số tiền 10.670.000 đồng. Bị cáo Tr dùng số điện thoại 0977.233.071 bán số lô, số đề cho Bùi Văn T qua số điện thoại 0355.958.988 của T với số tiền 910.000 đồng, T không trúng thưởng; bán số lô cho Trần Văn T1 qua số điện thoại 0972.473.266 với số tiền là 2.300.000 đồng, T1 không trúng thưởng. Bị cáo Tr mua, bán số lô, số đề với tổng số tiền là 13.880.000 đồng, trúng thưởng số tiền là 24.000.000 đồng, xác định số tiền bị cáo Tr đánh bạc là 37.880.000 đồng. Bị cáo Tr, T, T1 chưa thanh toán tiền mua số lô, số đề. Bị cáo H1 đã thanh toán tiền trúng thưởng cho bị cáo Tr là 13.000.000 đồng.

- Bị cáo **Trần Phương H1** có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền, dưới hình thức sử dụng tài khoản Zalo “T Ngọc” đăng ký bằng số điện thoại 0376.281.386 của bị cáo H1 bán các số lô, số đề cho bị cáo Vũ Tiến Tr qua tài khoản Zalo “Tr” với số tiền là 10.670.000 đồng, bị cáo Tr trúng thưởng số tiền là 24.000.000 đồng, xác định số tiền bị cáo H1 đánh bạc là 34.670.000 đồng. Bị cáo H1 đã thanh toán tiền trúng thưởng cho bị cáo Tr là 13.000.000 đồng.

Bản án hình sự sơ thẩm số 121/2021/HSST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình quyết định:

1. Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thị Đ, Vũ Tiến Tr, Nguyễn Ngọc T, Bùi Văn Bình, Đào Thị Ng, Trần Thị Thu H, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn Ngh1, Phạm Văn Kh, Hà Thị L phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

2.1. Áp dụng điểm b khoản 2,3 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Xuân Th **03 năm 06 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 22-3-2021 đến ngày 13-5-2021). Phạt tiền 15.000.000 đồng.

2.2. Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Đ **03 năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Phạt tiền 10.000.000 đồng

2.3. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Vũ Tiến Tr **02 năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 22/3/2021 đến ngày 12/5/2021). Phạt tiền 10.000.000 đồng.

2.4. Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 17; Điều 38; Điều 50; Điều 58; khoản 2 Điều 56; khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T 02 năm tù. Tổng hợp 01 năm tù của Bản án số 84/2019/HSST ngày 08/11/2019 của Tòa án nhân dân huyện H H, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai Bản án là **03 năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án, được trừ đi thời gian đã bị tạm giữ, tạm giam (từ ngày 22-3-2021 đến ngày 03-6-2021) và thời gian đã bị tạm giữ của Bản án số 84/2019/HSST ngày 08/11/2019 (từ ngày 30-5-2019 đến ngày 05-6-2019). Phạt tiền 7.000.000 đồng.

2.5. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Thị Ng **01 năm 09 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Phạt tiền 7.000.000đ

2.6. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Thị Thu H **01 năm 06 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Phạt tiền 7.000.000 đồng

2.7. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều

17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Phương H1 **01 năm 03 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Phạt tiền 7.000.000 đồng.

2.8. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 **01 năm** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Phạt tiền 7.000.000 đồng

2.9. Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Văn Ngh1 **08 tháng** tù, thời hạn tù tính từ ngày chấp hành án. Phạt tiền 7.000.000 đồng.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt đối với các bị cáo Bùi Văn B, Phạm Văn Kh, Hà Thị L xử L vật chứng, án phí và tuyên quyền kháng cáo đối với các bị cáo theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, vào các ngày 06/12/2021, ngày 07/12/2021, ngày 08/12/2021 các bị cáo Vũ Tiến Tr, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Ngọc T, Đào Thị Ng, Nguyễn Thị Đ, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn Ngh1, Trần Thị Thu H kháng cáo xin giảm hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Vũ Tiến Tr, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn Ngh1, Trần Thị Thu H xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo; các bị cáo Đào Thị Ng, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2 xin rút yêu cầu kháng cáo xin giảm hình phạt, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét cho các bị cáo được hưởng án treo đồng thời khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như án sơ thẩm đã quy kết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình sau khi phân tích toàn bộ nội dung vụ án, xét tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo kháng cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cũng như nội dung kháng cáo của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Vũ Tiến Tr, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn Ngh1, Trần Thị Thu H.

- Áp dụng điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đào Thị Ng, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2 theo hướng giữ nguyên mức hình phạt, chuyển biện pháp chấp hành hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

Căn cứ vào những chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa phúc thẩm, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện ý kiến của kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của đơn kháng cáo: Kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thị Đ, Vũ Tiến Tr, Nguyễn Ngọc T, Đào Thị Ng, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn Ngh1, Trần Thị Thu H làm trong thời hạn luật định là hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự xét xử phúc thẩm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Vũ Tiến Tr, Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Thị Đ, Nguyễn Văn Ngh1, Trần Thị Thu H xin rút toàn bộ yêu cầu kháng cáo, xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo là hoàn toàn tự nguyện, không trái pháp luật, vì vậy áp dụng Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo.

[2] Xét hành vi phạm tội của các bị cáo: Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy, có đủ căn cứ để xác định: Khoảng 23 giờ 10 phút ngày 21/3/2021, tại phòng ngủ tầng 2 của gia đình bị cáo Nguyễn Xuân Th, ở thôn T X, xã H M, huyện H H, tỉnh Thái Bình; các bị cáo Nguyễn Xuân Th, Vũ Tiến Tr, Bùi Văn B và Nguyễn Ngọc T có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức đánh “Lốc” bằng bộ bài Tú lơ khơ 52 quân. Tổng số tiền xác định sử dụng vào việc đánh bạc là 40.970.000 đồng.

Ngày 21/3/2021, bị cáo Nguyễn Xuân Th có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua, bán số lô, số đề với các bị cáo Nguyễn Thị Đ, Hà Thị L, Đào Thị Ng, Trần Thị Thu H, Nguyễn Thị H2, Phạm Văn Kh và chị Nguyễn Thị Ch, anh Nguyễn Văn Ph, chị Tạ Thị Ph1 với tổng số tiền là 183.620.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị Đ có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Xuân Th với tổng số tiền là 71.444.000 đồng. Bị cáo Đào Thị Ng có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Xuân Th với tổng số tiền là 46.350.000 đồng. Bị cáo Trần Thị Thu H có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua, bán số lô, số đề với bị cáo Nguyễn Xuân Th với tổng số tiền là 44.130.000 đồng. Bị cáo Vũ Tiến Tr có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua, bán số lô, số đề với bị cáo Trần

Phuong H1, anh Bùi Văn T, anh Trần Văn T1 với tổng số tiền là 37.880.000 đồng. Bị cáo Trần Phương H1 có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô, số đề cho bị cáo Vũ Tiến Tr với tổng số tiền là 34.670.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Thị H2 có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Xuân Th và bị cáo Nguyễn Văn Ngh1 với tổng số tiền là 22.004.000 đồng. Bị cáo Nguyễn Văn Ngh1 có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức bán số lô, số đề cho bị cáo Nguyễn Thị H2 với tổng số tiền là 17.620.000 đồng. Bị cáo Phạm Văn Kh có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Xuân Th với tổng số tiền là 8.360.000 đồng. Bị cáo Hà Thị L có hành vi đánh bạc trái phép được thua bằng tiền dưới hình thức mua số lô, số đề của bị cáo Nguyễn Xuân Th với tổng số tiền là 5.560.000 đồng. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt các bị cáo Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thị Đ về tội “Đánh bạc” theo điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự; các bị cáo Vũ Tiến Tr, Nguyễn Ngọc T, Đào Thị Ng, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2, Nguyễn Văn Ngh1 về tội Đánh bạc theo khoản 1 Điều 321 là có căn cứ pháp luật.

[3] Xét nội dung kháng cáo của các bị cáo Đào Thị Ng, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2 thấy: các bị cáo đều tham gia đánh bạc bằng hình Th mua bán số lô, số đề với các bị cáo khác trong vụ án. Số tiền sử dụng đánh bạc của bị cáo Ng là 46.350.000 đồng, bị cáo H1 là 34.670.000 đồng, bị cáo H2 là 22.004.000 đồng (trong đó số tiền bị cáo H2 đánh bạc với bị cáo Th là 4.384.000đ, số tiền đánh bạc với bị cáo Ngh1 là 17.620.000 đồng). Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá nhân thân, vai trò để xử phạt bị cáo Ng 01 năm 09 tháng tù, bị cáo H1 01 năm 03 tháng tù, bị cáo H2 01 năm tù là phù hợp quy định của pháp luật nhưng buộc các bị cáo cách ly khỏi xã hội là có phần nghiêm khắc. Bởi lẽ, các bị cáo đều có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội khai báo thành khẩn, đều có nơi cư trú rõ ràng. Trong giai đoạn xét xử phúc thẩm, các bị cáo đã nộp số tiền phạt bổ sung theo quyết định của bản án sơ thẩm, điều này thể hiện sự ăn năn của các bị cáo, nên các bị cáo được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Xét thấy, các bị cáo có khả năng tự cải tạo và việc cho các bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo, cho các bị cáo hưởng án treo cũng đủ tác dụng cải tạo, giáo dục các bị cáo.

[4] Về án phí: Do kháng cáo được chấp nhận nên các bị cáo Ng, H1, H2

không phải chịu án phí phúc thẩm.

[5]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 348 Bộ luật Tố tụng hình sự: Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo Nguyễn Xuân Th, Nguyễn Thị Đ, Vũ Tiến Tr, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Văn Ngh1, Trần Thị Thu H; phần quyết định của bản án sơ thẩm số 121/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình đối với các bị cáo có hiệu lực pháp luật.

Căn cứ điểm e khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự: Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các bị cáo Đào Thị Ng, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2; sửa phần quyết định của bản án sơ thẩm số 121/2021/HS-ST ngày 30/11/2021 của Tòa án nhân dân huyện H H, tỉnh Thái Bình đối với các bị cáo theo hướng giữ nguyên mức hình phạt, chuyển biện pháp chấp hành hình phạt, cho các bị cáo được hưởng án treo.

1. Tuyên bố: Các bị cáo Đào Thị Ng, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2 phạm tội "Đánh bạc".

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Đào Thị Ng **01 năm 09 tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 03 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Trần Phương H1 **01 năm 03 tháng** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm 06 tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 17; Điều 50; Điều 58 và khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật Hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H2 **01 năm** tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 năm tính từ ngày tuyên án phúc thẩm.

Giao bị cáo Trần Phương H1 cho UBND xã H M, huyện H H, tỉnh Thái Bình; giao bị cáo Nguyễn Thị H2, Đào Thị Ng cho UBND thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người

được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm Ngh1 vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Áp dụng điểm h khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản L và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các bị cáo Đào Thị Ng, Trần Phương H1, Nguyễn Thị H2 không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án 28/3/2022

Nơi nhân:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- TAND, VKSND, CA, THA h. H H
- UBND xã H M, UBND thị trấn H H, huyện H H, tỉnh Thái Bình
- Bị cáo kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa.

(đã ký)

Lương Hải Yến